

Số: 23/2024/QĐST-HNGĐ

L, ngày 21 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Tạ Văn N**, sinh năm 1989. Địa chỉ: **Số nhà E, tổ B, ấp R, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.**

2. Chị **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1994. Địa chỉ: **Số nhà E, tổ B, ấp R, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Tạ Văn N** và chị **Lê Thị Ngọc H** đều thừa nhận vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai** vào ngày 21/01/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ 04 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi vã, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ hơn 01 năm nay. Hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh **Tạ Văn N** và chị **Lê Thị Ngọc H** thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu **Tạ Nhật A**, sinh ngày 23/10/2016. Khi ly hôn, anh **N** và chị **H** thống nhất giao con chung cho anh **Tạ Văn N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **Lê Thị Ngọc H** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh **Tạ Văn N** và chị **Lê Thị Ngọc H** tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Tạ Văn N** và chị **Lê Thị Ngọc H**.

- Về con chung: Giao cháu **Tạ Nhật A**, sinh ngày 23/10/2016 cho anh **Tạ Văn N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **Lê Thị Ngọc H** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, chị **Lê Thị Ngọc H** được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, anh **Tạ Văn N**, chị **Lê Thị Ngọc H** được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Tạ Văn N** và chị **Lê Thị Ngọc H** tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh **N** và chị **H** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004995 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Anh **N** và chị **H** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tp. Long Khánh;
- THA dân sự tp. Long Khánh.;
- UBND xã Bảo Quang (Số 03/2016);
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đồng Thị Hương